

Số: 3456/QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 11 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật  
Công trình: Xây dựng HTTN và nâng cấp BTNN đoạn cuối tuyến ĐX 12,  
khu phố Hoá Nhựt, phường Tân Vĩnh Hiệp

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Xét Văn bản số 103/KT,HT&ĐT-TĐ ngày 11/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật và Tờ trình số 103/TTr-KT,HT&ĐT ngày 11/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng HTTN và nâng cấp BTNN đoạn cuối tuyến ĐX 12, khu phố Hoá Nhựt, phường Tân Vĩnh Hiệp,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng HTTN và nâng cấp BTNN đoạn cuối tuyến ĐX 12, khu phố Hoá Nhựt, phường Tân Vĩnh Hiệp, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Xây dựng HTTN và nâng cấp BTNN đoạn cuối tuyến ĐX 12, khu phố Hoá Nhựt, phường Tân Vĩnh Hiệp.

**2. Người quyết định chủ trương đầu tư:** UBND thành phố Tân Uyên.

**3. Người quyết định đầu tư:** UBND thành phố Tân Uyên.

- **Chủ đầu tư:** UBND phường Tân Vĩnh Hiệp.

**4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:**

**4.1. Mục tiêu đầu tư:**

Nhằm từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch mạng lưới đường giao thông, hệ thống thoát nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong khu vực.

**4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:**

**4.2.1 Quy mô đầu tư :**

- Tải trọng xe thiết kế	Trục xe t/c tính toán 8 Tấn.
- Chiều dài tuyến	1.047,08m.
- Vận tốc thiết kế	40 Km/h.
- Độ dốc dọc tối đa	9%.
- Bề rộng mặt đường	(2,6÷5,0)m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.
- Bề rộng nền đường	(5,0÷7,4)m.
- Kết cấu mặt đường	BTNN.

**4.2.2 Giải pháp kỹ thuật****a. Bình đồ:**

Tuyến đường thiết kế trên cơ sở nền đường hiện hữu, các đỉnh chuyển hướng nhỏ để không phải giải toả hai bên tuyến nên không bố trí cong trong các góc chuyển hướng.

**b. Trắc dọc:**

Với yêu cầu cao độ hoàn thiện tuyến đường vừa đảm bảo kết nối êm thuận với các tuyến đường xung quanh, tránh ứ đọng nước, tận dụng được nền đường hiện hữu, đồng thời cân đối và hài hòa với địa hình tự nhiên hai bên.

**c. Trắc ngang:**

\* Đoạn từ Km0+000 đến Km0+340

- Bề rộng mặt đường	2,6m.
- Bề rộng lề đường (gồm mương thoát nước)	1,2m x 2 bên.
- Bề rộng nền đường (gồm mương thoát nước)	5,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.

\* Đoạn từ Km0+340 đến Km0+860

- Bề rộng mặt đường	5,0m.
- Bề rộng lề đường (gồm mương thoát nước)	1,2m x 2 bên.
- Bề rộng nền đường (gồm mương thoát nước)	7,4m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.

\* Đoạn từ Km0+860 đến Km0+984

- Bề rộng mặt đường	5,0m.
---------------------	-------

\* Đoạn từ Km0+984 đến Km1+047,08

- Bề rộng mặt đường	5,0m.
- Bề rộng lề đường	1,0m x 2 bên.
- Bề rộng nền đường	7,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường	2%.

**d. Kết cấu áo đường (tính từ trên xuống):**

\* **Kết cấu phân mặt đường mở rộng** (Đoạn từ Km0+000 đến Km0+340):

- Bê tông nhựa chặt loại C12.5 dày 7cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 135\text{Mpa}$ .

- Tưới nhũ tương tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2$  bằng nhựa pha dầu.

- Mặt đan bê tông chịu lực.

\* **Kết cấu phân mặt đường hiện hữu** (Đoạn từ Km0+000 đến Km0+340):

- Bê tông nhựa chặt loại C12.5 dày 7cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 135\text{Mpa}$ .

- Tưới nhũ tương tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2$  bằng nhựa pha dầu.

- Vệ sinh mặt đường nhựa hiện hữu.

\* **Kết cấu phân mặt đường hiện hữu** (Đoạn từ Km0+340 đến Km0+984): Mặt đường bê tông nhựa hiện hữu giữ nguyên.

\* **Kết cấu phân mặt đường làm mới** (Đoạn từ Km0+984 đến Km1+047,08):

- Bê tông nhựa chặt loại C12.5 dày 7cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 135\text{Mpa}$ .

- Tưới nhũ tương tiêu chuẩn  $1,0\text{kg}/\text{m}^2$  bằng nhựa pha dầu.

- Trải lớp cấp phối đá dăm loại I lớp trên ( $D_{\text{max}}=25\text{mm}$ ) dày 20cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 110\text{Mpa}$ .

- Trải lớp cấp phối đá dăm loại II lớp dưới ( $D_{\text{max}}=37,5\text{mm}$ ) dày 20cm, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ,  $E \geq 90\text{Mpa}$ .

- Đào nền đường theo từng lớp, lu lèn  $K \geq 0,98$ .

- Vết hữu cơ dày 10cm tại vị trí đắp, đắp lại bằng đất chọn lọc, lu lèn  $K \geq 0,95$ .

#### **e. Hệ thống thoát nước:**

##### **Hệ thống thoát nước dọc:**

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+340: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (80xH)cm hai bên tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M250, dày 20cm; nắp đan dày 20cm. Giữa các đoạn mương có bố trí đan bằng thép để tăng khả năng thu nước mặt, được bố trí khoảng cách 30m/đan.

- Đoạn từ Km0+340 đến Km0+860: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng mương hộp (80xH)cm hai bên tuyến. Mương được đổ bằng bê tông đá 1x2 M250, dày 20cm; nắp đan dày 20cm. Giữa các đoạn mương có bố trí đan bằng thép để tăng khả năng thu nước mặt, được bố trí khoảng cách 25m/đan.

#### **f. Hệ thống an toàn giao thông:**

Hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Bố trí sơn gờ giảm tốc theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34 :2020/TCĐBVN.

**5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:**  
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bảo An Phát.

**6. Địa điểm xây dựng:** Đường ĐX 12 khu phố Hoá Nhựt, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:**

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình: <25 năm.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn :**

**8.1 Số bước thiết kế :** 01 bước.

**8.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- TCVN 13592-2022 : Đường Đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCCS 38-2022/TCĐBVN : Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- TCCS 31-2020/TCĐBVN : Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 5574-2018 : Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 07:2023 : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 41:2024/BGTVT ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- Các tài liệu tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

**9. Tổng vốn đầu tư:** 8.771.396.389 đồng (*Tám tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng*).

Trong đó:

- |                                   |                     |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng:               | 7.817.435.996 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 168.959.154 đồng.   |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 631.049.021 đồng.   |
| - Chi phí khác:                   | 117.266.433 đồng.   |
| - Chi phí dự phòng:               | 36.685.785 đồng.    |

**10. Tiến độ thực hiện dự án:**


- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.
- Thực hiện dự án: Năm 2025 – 2027.

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách thành phố Tân Uyên.

**12. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

**Điều 2.** Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, UBND phường Tân Vĩnh Hiệp có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Chủ tịch UBND phường Tân Vĩnh Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** 

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Trí.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Hồng Tươi**



